

-----  
Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 30 - 6 - 2021  
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DK, TỈNH KH**  
**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Vinh
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hùng Cường  
Bà Nguyễn Thị Hương
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Bảo Ngân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện DK- KH.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DK xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 80/2021/TLST-HNGĐ 16 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXX-ST ngày 28/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2021/QĐST - HNGĐ ngày 15/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Bích T - sinh năm 1991  
Địa chỉ: thôn 1, xã S, huyện DK, tỉnh KH.  
Có mặt tại phiên tòa
- Bị đơn: Anh Trần Quốc Đạt - sinh năm 1987  
Địa chỉ: thôn 1, xã Đ, huyện DK, tỉnh KH.  
Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện ngày 27/01/2021, bản tự khai ngày 31/3/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Bích T trình bày: chị và anh Trần Đ tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã S vào năm 2011. Giai đoạn đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Đ thường xuyên say sưa, không chịu khó làm ăn, lơ lửng, chăm sóc cho gia đình, có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến vợ chồng cãi vã, anh Đ có những lời nói làm tổn thương đến chị. Chị đã nhiều lần tạo cơ hội nhưng anh Đ vẫn không thay đổi bản tính, gia đình không hạnh phúc. Chị và anh Đ không chung sống với nhau từ tháng 01/2021 cho đến nay. Tình cảm giữa chị và anh Đ đã không còn, chị yêu cầu xin ly hôn với bị đơn anh Trần Đ.

Về con chung: có 02 con chung là Trần Khánh N- sinh ngày 08/11/2011; Trần Anh V- sinh ngày 04/01/2020. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị xác định giữa chị và anh Đ không có tài sản chung.

Về nợ chung: chị xác định giữa chị và anh Đ không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời anh Trần Đ đến Tòa án làm việc, nhưng anh Đ vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản, giấy tờ tài liệu cần thiết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Bích T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Trần Đ; con chung: 02 con chung là Trần Khánh N- sinh ngày 08/11/2011; Trần Anh V- sinh ngày 04/01/2020. Chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung: chị xác định giữa chị và anh Đ không có tài sản chung và nợ chung. Bị đơn anh Trần Đ vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK- KH phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ trình tự thủ tục tố tụng. Bị đơn anh Trần Đ vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Bích T xin ly hôn với anh Trần Đ. Về con chung: Giao 02 con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: chị T xác định không có nên không xem xét. Về án phí: chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Đ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Bích T và anh Trần Đ tự nguyện yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã S, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04/2011 ngày 14/01/2011 theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, theo chị T nguyên nhân là do anh Đ thường say xỉn, không lo làm ăn, chăm sóc, quan tâm đến gia đình, có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, luôn dùng lời nói và hành động làm tổn thương đến chị. Chị T không còn chung sống với anh Đ từ tháng 01 năm 2021 cho đến nay. Do đó, tình cảm chị T dành cho anh Đ không còn. Tại biên bản xác minh ngày 05/4/2021 bà Trần Thị Trinh - Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã S thể hiện: Hội liên hiệp phụ nữ xã S không có thông tin gì về mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh Đ. Hiện tại 02 cháu Trần Khánh N và Trần Anh V đang ở chung với chị T và được chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc. Điều này chứng tỏ, anh Đ không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này nên cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã không còn tình cảm yêu thương gì với nhau, dẫn đến gia đình không có hạnh phúc, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Lê Bích T được ly hôn với anh Trần Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Chị T và anh Đ có 02 con chung là Trần Khánh N- sinh ngày 08/11/2011; Trần Anh V- sinh ngày 04/01/2020. Cháu N có nguyện vọng ở với chị T.

Hiện tại, chị T đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là yêu cầu chính đáng của chị T phù hợp với pháp luật nên cần để chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

[4]. Về tài sản chung: chị T xác định giữa chị và anh Đ không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: chị T xác định giữa chị và anh Đ không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: chị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

#### Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Bích T được ly hôn với anh Trần Đ.

[2]. Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Khánh N- sinh ngày 08/11/2011; Trần Anh V- sinh ngày 04/01/2020 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Đ có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, chị T, anh Đ có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung: không có.

[4]. Về nợ chung: không có.

[5]. Về án phí: chị Lê Bích T nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002143 ngày 16/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện DK-KH; chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Quy định chung: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên

án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh KH;
- VKSND huyện DK;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện DK;
- Ủy ban nhân dân xã S (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thị Kim Vinh**